TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08.3.2019
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Thái Ánh Trinh
2. Ông Nguyễn Văn Đông
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: Ông Võ Long Hải - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 08 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. <u>*Nguyên đơn*</u>: Chị ***Nguyễn Thị Q*** sinh năm 1989
Trú tại: ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang.
2. <u>*Bị đơn*</u>: Anh ***Ngô Văn H*** sinh năm 1986
Trú tại: khu vực X, phường Y, quận T, thành phố Cần Thơ.
3. <u>*Người có quyền, lợi ích được bảo vệ - con chung*</u>:
Cháu ***Ngô Tấn U*** sinh ngày 13.01.2009
(đang sống với chị Q; và do chị Q là người giám hộ).

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 07.8.2018 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày*:

Qua mai mối, chị với anh Ngô Văn H tự tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân dân xã Y (cũ) nay là phường Y, quận T, thành phố Cần Thơ ngày

20.5.2008. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung gia đình chồng tại khu vực X, phường Y, quận T, thành phố Cần Thơ đến khi vợ chồng ly thân.

Quá trình chung sống vợ chồng thường hay cải vả, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau mà anh H không quan tâm chăm sóc vợ con nên từ năm 2015 chị Q cùng với con chung về nhà cha mẹ ruột tại ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang để sống ly thân với anh H từ đó đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Tấn U, sinh ngày 13.01.2009, hiện đang sống với chị Q và bên ngoại tại ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang.

Về tài sản chung: Do vợ chồng nghèo, tài sản chung không giá trị nên chị yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Chị Q trình bày không có.

Thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn đối với anh Ngô Văn H.

- *Về con chung*: Chị yêu cầu được quyền nuôi con chung Ngô Tấn U đến trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- *Tài sản chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Nợ chung*: không có.

** Tại tờ tự khai ngày 08.01.2019 và quá trình giải quyết vụ kiện, người có quyền, lợi ích được bảo vệ cháu Ngô Tấn U trình bày*:

Cháu là con của cha là Ngô Văn H và mẹ là Nguyễn Thị Q. Hiện nay cháu đang sống chung với mẹ và ông bà ngoại tại ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang. Nay cha mẹ ly hôn thì cháu yêu cầu được tiếp tục sống với mẹ đến trưởng thành, không yêu cầu cha cấp dưỡng nuôi con.

* Đối với bị đơn anh Ngô Văn H: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết công khai, hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý số 363/2018/TB.TLVA-HNGĐ ngày 17.12.2018; Thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 228/2018/TB.TA ngày 25.12.2018; số 02/2019/TB.TA ngày 11.01.2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019 ngày 28.01.2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18.02.2019 nhưng anh H vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên theo yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q đối với bị đơn anh Ngô Văn H; Ổn định cho chị Q được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Ngô Tấn U, sinh ngày 13.01.2009 đến trưởng thành, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Chị Nguyễn Thị Q với anh Ngô Văn H tự nguyện yêu thương, được gia đình hai bên tác hợp và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện T, tỉnh Cần Thơ cũ nay là phường Y, quận T, thành phố Cần Thơ nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn nên chị Q có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Ngô Văn H đã được Tòa án tống đạt công khai các văn bản tố tụng để triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh H vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử có căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 3 điều 228, điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Chị Q và anh H chung sống từ năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị Q thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh H hay ăn chơi lêu lổng mà không quan tâm chăm sóc vợ con, thiếu trách nhiệm với gia đình nên từ năm 2015 chị cùng con ruột về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh H từ đó đến nay.

Quá trình giải quyết vụ kiện, chị Q kiên quyết ly hôn; anh H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không thể hiện mong muốn hàn gắn lại quan hệ vợ chồng; Mặt khác, từ khi ly thân đến nay vợ chồng đã bỏ mặc mà không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị Q với anh H đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, đời sống chung không thể tồn tại kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[4] Về con chung: Chị Q khai vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Tấn U, sinh ngày 13.01.2009, hiện đang sống với chị Q và bên ngoại tại ấp A, xã B, huyện C, Kiên Giang. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hay con riêng nào khác. Điều này phù hợp với Giấy khai sinh của cháu U nên có căn cứ xác định cháu U là con chung của chị Q và anh H là sự thật.

Theo đó, chị Q yêu cầu được nuôi con chung, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu U yêu cầu được tiếp tục sống với chị Q, bởi suốt thời gian qua và hiện nay cháu U vẫn liên tục sống cùng mẹ, được sự chăm sóc chu đáo từ chị Q và gia đình bên ngoại nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do chị Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung*: Chị Q yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết;

[6] *Về nợ chung*: Đương sự trình bày không có.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, 53, 56, 81, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q đối với bị đơn anh Ngô Văn H.

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Ngô Văn H.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Q được quyền nuôi con chung tên Ngô Tấn U, sinh ngày 13.01.2009 đến trưởng thành. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh H thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc trình bày không có nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Q phải nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Q đã nộp theo phiếu thu số AA/2016/004337 ngày 10.12.2018 được chuyển thành án phí. Chị Q đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND quận T;
- THA quận T;
- UBND phường Thuận Hưng (nơi đkkh);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Điền